

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM – NGỮ VĂN 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Các phương thức biểu đạt: Nghị luận, biểu cảm	1,0
	2	Biện pháp nghệ thuật: Liệt kê: “ <i>bằng một nụ cười xoa dịu, bằng một câu nói vị tha, bằng sự yêu thương nhẫn nhịn, bằng trái tim sẵn sàng sẻ chia, bằng một cái nắm tay thấu hiểu, hay có thể bằng một giọt nước mắt.</i> ” Tác dụng: Diễn tả sinh động, đầy đủ, sâu sắc hơn những hành động cụ thể mà ta cần thực hiện để tạo nên sự bình yên, hạnh phúc cho mái nhà thân thương.	1,0
	3	“Phần cứng” trong câu văn chính là ngôi nhà với các thành viên trong gia đình, phần hữu hình có thể nhìn thấy được rõ ràng bằng quan sát thông thường. Còn “phần mềm” là những thứ vô hình, không thể chạm vào được, chỉ có thể cảm nhận như: <i>sự bình yên, hạnh phúc, niềm vui</i> . Phần mềm tuy vô hình nhưng đóng vai trò cốt yếu, làm nên sự bình yên của một mái nhà. Câu nói giàu hình ảnh nhằm nhấn mạnh, thiếu đi phần nào mái ấm gia đình cũng không thể trọn vẹn.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	NLXH	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn	0,25
		Có thể trình bày theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25
		Suy nghĩ về tầm quan trọng của tình yêu thương, sự sẻ chia trong cuộc sống	
		c. Lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề theo nhiều cách nhưng cần làm rõ nội dung	1,0
		Bình luận về vai trò của tình yêu thương, sự sẻ chia: Tình yêu thương, sự sẻ chia là sợi dây tình cảm gắn kết giữa người với người, tạo động lực giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, trắc trở trong cuộc sống. Nhờ có tình yêu thương, sự sẻ chia con người sống lương thiện và nhân hậu hơn. Tình yêu thương, sự sẻ chia có sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những con người “lầm đường lạc lối”, khiến cho xã hội hạnh phúc và tốt đẹp hơn. Dẫn chứng về sức mạnh của tình yêu thương, sự sẻ chia: Giúp đỡ đồng bào bị thiên tai; xây dựng nhà tình thương cho trẻ em không nơi nương tựa; ATM gạo, phát khẩu trang miễn phí trong đại dịch Covid-19...	
		Liên hệ rút ra bài học cho bản thân	
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
		Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
		e. Sáng tạo	0,25

	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
2	NLVH	5,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,5
	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,5
	Phân tích 12 câu đầu của đoạn trích Trao duyên	
	c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp theo trình tự, sử dụng tốt các thao tác lập luận, biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng, có cảm nhận sâu sắc.	3,0
	Mở bài: Giới thiệu tác giả Nguyễn Du, đoạn trích Trao duyên, nội dung khái quát của 12 câu đầu đoạn trích. Thân bài: - Giới thiệu khái quát về vị trí đoạn trích, nhan đề... - Hai câu đầu là lời Kiều nhờ cậy Vân: “Cậy em, em có chịu lời Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” “Cậy”: cũng có nghĩa là nhờ nhưng nhờ với cả tấm lòng tha thiết, trông mong, tin cậy. “Chịu”: sự chấp nhận, cam chịu “Ngồi”, “Lạy”, “Thưa”: cử chỉ trang trọng thể hiện thái độ kính trọng, sự mang ơn rất lớn của Thúy Kiều dành cho Thúy Vân. Kiều hiểu được việc mình sắp nhờ sẽ ảnh hưởng lớn đến cả cuộc đời em. ⇒ Lời khẩn cầu vừa thất buộc vừa tế nhị, tác động mạnh mẽ vào tâm lí Thúy Vân, khiến Vân khó có thể chối từ. Cho thấy, sự thông minh, khéo léo trong việc lựa chọn ngôn ngữ của Kiều. - Hai câu thơ tiếp: Kiều nói lời trao duyên Giữa đường đứt gánh tương tư, Keo loan <i>chấp mối tơ thừa</i> mặc em. “Đứt gánh tương tư”: thành ngữ, hình ảnh ẩn dụ chỉ tình yêu tan vỡ đột ngột. “Chấp mối tơ thừa” “mặc em: Kiều nhờ em chấp mối tơ duyên còn dang dở, nài lòng hoàn toàn trông cậy vào em. ⇒ Kiều kể ra hoàn cảnh éo le của mình và thể hiện sự tin cậy, phó thác khi trao duyên cho Thúy Vân - Tám câu thơ tiếp: Kiều đưa ra những lý lẽ để thuyết phục Vân. Lý lẽ thứ nhất: “Kể từ khi gặp chàng Kim Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.” Hình ảnh ước lệ : “Quạt ước”, “chén thề” (gợi lại kỉ niệm Kim Trọng, Thúy Kiều tặng nhau quạt để hẹn ước trăm năm, uống rượu thề nguyên chung thủy) Điệp từ “khi” (khi gặp, khi ngày, khi đêm...) ⇒ Kiều nhắc tới kỷ niệm tình yêu sâu sắc giữa mình với Kim Trọng, bày tỏ mối tình thâm thiết với nhiều kỉ niệm, lời thề nguyện, nhưng mong manh, nhanh tan vỡ, mong Vân đồng cảm, thấu hiểu. Lý lẽ thứ hai: “Sự đâu sóng gió bất kỳ Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.” «Sóng gió bất kỳ»: Gia đình có biến cố, Kiều phải bán mình chuộc cha làm tròn chữ hiếu.	

	“hiếu - tình”- “vẹn hai”: nhờ Vân kết duyên cùng với Kim Trọng để vẹn tròn chữ tình. ⇒Kiều nói về hoàn cảnh gia đình và hai gánh nặng chữ hiếu, chữ tình. Nàng đã chọn chữ hiếu mà hi sinh chữ tình, mong Vân có thể hiểu cho gánh nặng tình cảm của nàng. Lí lẽ thứ ba: “Ngày xuân em hãy còn dài, Xót tình máu mủ thay lời nước non”. “ Ngày xuân còn dài”: Hình ảnh ẩn dụ, Vân còn trẻ, tương lai phía trước còn dài. “Tình máu mủ”: Vân là em ruột của Kiều, kêu gọi tình chị em máu mủ, ruột thịt, ⇒ Tình ruột thịt thiêng liêng được Kiều nhắc đến để gợi dậy đức hi sinh, lòng vị tha ở Thúy Vân. Lý lẽ thứ tư: “Chị dù thịt nát xương mòn, Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”. Thành ngữ “ Thịt nát xương mòn - Ngậm cười chín suối”: Cái chết mãn nguyện, lời cảm ơn của Kiều. Kiều nhắc đến cái chết, nhắc đến cảm giác yên tâm thanh thản vì nỗi niềm trao gửi tình duyên khó nói dường đã được giải quyết. Gạt đi nỗi đau riêng của bản thân, nàng đã chu toàn cả chữ hiếu, chữ tình, gửi lời cảm tạ chân thành, sâu sắc đến Vân... Tổng kết: Nghệ thuật: - Nghệ thuật miêu tả, khắc họa tâm lí nhân vật đặc sắc. Nguyễn Du như hóa thân vào nhân vật để diễn tả chính xác, tinh tế, đầy đủ diễn biến tâm lí phức tạp của Kiều - Ngôn ngữ văn học bác học (ước lệ, điển tích) kết hợp với ngôn ngữ bình dân (thành ngữ) biểu hiện cảm xúc mãnh liệt, đau đớn tác động vào lí trí và tình cảm. Nội dung: - Nguyễn Du ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Thúy Kiều: ứng xử thông minh, khéo léo, có tình có lí, sống vẹn hiếu, vẹn tình, giàu đức hi sinh và lòng biết ơn. - Thể hiện sự cảm thông, đồng cảm của Nguyễn Du với nỗi đau của con người. - Đồng thời cũng gián tiếp lên án, tố cáo những thế lực đen tối đã cách trở tình yêu đôi lứa, đẩy con người vào chỗ tuyệt vọng. Kết bài: Khẳng định vẻ đẹp trí tuệ và tâm hồn của Thúy Kiều cũng như tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Nguyễn Du.	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,5
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	e. Sáng tạo	0,5
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	